

**TÒA ÁN NHÂN D CẤP CAO
TẠI H11 NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NA
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 155/2022/HS-PT
Ngày: 23/03/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D CẤP CAO TẠI H11 NỘI

- TH11 nh phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;
Ông Hoàng Văn Hạnh.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân D cấp cao tại H11 Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị M Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân D tỉnh NA Định, Tòa Dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1034/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị đối với bị cáo Lương Minh Đ tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HSST ngày 14 tháng 09 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh NA Định.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:**

1- Họ và tên: **Lương Minh Đ**, sinh năm 1967; Giới tính: NA; ĐKHKT và nơi cư trú: TDP Tây K, thị trấn Cổ L, huyện Trục N, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình Đ học vấn: 7/10; Con ông: Lương Minh T, sinh năm 1939; con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1944 (đều đã chết); Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Bị cáo có 1 con, sinh năm 2014; Tiền sự: Không;

Tiền án: + Ngày 13/01/1988, Tòa án nhân D tỉnh H11 NA Ninh (cũ) xử phạt 18 năm tù giA về các tội “Cướp tài sản của công D”, “Trộm cắp tài sản của công D” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép V khí quân dụng”. (Ngày 24/5/1989 Tòa P thẩm Tòa án nhân D Tối cao xét xử P thẩm tuyên phạt Lương Minh Đ 18 năm tù về các tội: “Cướp tài sản của công D”, “Trộm cắp tài sản của công D” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép V khí quân dụng”).

+ Ngày 14/10/2003 Tòa án nhân D tỉnh H11 NA phạt 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. (Ngày 20/2/2004 Tòa P thẩm TANDTC xử P thẩm phạt 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”);

+ Ngày 19/6/2015 Tòa án nhân D huyện Trục N xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Đã chấp H11 nh xong ngày 03/02/2021.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 05/6/2021 sau đó chuyển tạm giA cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giA tại Trại tạm giA Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

2- Họ và tên: **V Văn Đ**, sinh năm 1992; Giới tính: NA; ĐKHKT và nơi cư trú: Đì 2, xã Liêm H, huyện Trục N, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 11/12; Con ông: V Đình Ân, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ Bùi Thị Thu T2, sinh năm 1996, Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 28/5/2013, Tòa án nhân D huyện Trục N xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Bị cáo ra đầu thú ngày 17/3/2021, sau đó chuyển tạm giA. Hiện bị cáo đang bị tạm giA tại Trại tạm giA Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

3- Họ và tên: **Trần Tất A**, sinh năm 1968; Giới tính: NA; ĐKHKT và nơi cư trú: Xóm 5, Đông T3, xã Trung Đ, huyện Trục N, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 4/10; Con ông: Trần Tất N, sinh năm 1940; Con bà Trần Thị H (đã chết); Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ Lương Hữu Thơm, sinh năm 1978; Bị cáo có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 18/11/1993, Tòa án nhân D huyện NA Ninh, tỉnh NA H11 xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công D ”; Bị bắt tạm giA ngày 19/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giA tại Trại tạm giA Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

4- Họ và tên: **Lê Văn Đ**, sinh năm 1986; Giới tính: NA; ĐKHKT và nơi cư trú: Đì 7, xã Liêm H, huyện Trục N, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 7/12; Con ông: Lê Văn N, sinh năm 1957, con bà Đỗ Thị Đ1, sinh năm 1959; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ Lò Thị N1, sinh năm 1990; Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 21/10/2016, Tòa án nhân D huyện Trục N xử phạt 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị can chấp H11 nh xong hình phạt tù ngày 07/5/2019; Nhân thân: ngày 12/10/2015, Công an huyện Xuân T4 xử phạt H11 nh chính 1.000.000 đồng về

H11 nh vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị bắt tạm giam ngày 19/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

5- Họ và tên: **V Minh H1**, sinh năm 1994; Giới tính: NA; ĐKKHKT và nơi cư trú: Đì 2, xã Liêm H, huyện Trục N, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 9/12; Con ông: V Văn C, sinh năm 1966, con bà Đỗ Thị T5, sinh năm 1972; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ V Thị H5, sinh năm 1997; Chưa có con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 27/12/2019, Công an huyện Trục N phạt H11 nh chính 750.000d về H11 nh vi “Đánh nhau”.

Bị cáo ra đầu thú ngày 17/3/2021, sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

6- Họ và tên: **Đoàn Văn P** (tên gọi khác: Đoàn Văn B), sinh năm 1996; Giới tính: NA; ĐKKHKT và nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn NA G, huyện NA T7, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 8/12; Con ông: Đoàn Văn B2, sinh năm 1969, con bà V Thị T8, sinh năm 1970; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 29/6/2018, Tòa án nhân D huyện NA T7 xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp H11 nh xong hình phạt ngày 17/9/2020; Nhân thân: Ngày 17/3/2017, Công an phường Trần Tế X, th11 nh phố NA Đ2 xử phạt H11 nh chính Cảnh cáo về H11 nh vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 08/6/2021, sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

7- Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1985; Giới tính: NA; ĐKKHKT và nơi cư trú: Đì 7, xã H N2, huyện Nghĩa H3, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Xuân Lượng, sinh năm 1959, con bà Trịnh Thị B3, sinh năm 1960; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 08/4/2020 Công an huyện Nghĩa H3 xử phạt H11 nh chính 1.000.000 đồng về H11 nh vi tàng trữ trái phép chất ma túy; Nhân thân: Ngày 23/10/2009, Tòa án nhân D tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 năm cho hưởng án treo về tội “Tàng trữ tiền giả”; Ngày 30/11/2012 Tòa án nhân D th11 nh phố NA Đ2 xử phạt 03 năm tù về tội “Chống người thi H11 nh công vụ”. (Ngày 05/3/2013 Tòa án nhân D tỉnh NA Định xử P thẩm phạt 03 năm tù về tội “Chống người thi H11 nh công vụ”); Đã chấp H11 nh xong hình phạt tù ngày 13/9/2017; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

8- Họ và tên: **Trần Văn T10**, sinh năm 1970; Giới tính: NA; ĐHKHKT: phường Q T11, tH11 nh phố NA Đ2, tỉnh NA Định; Nơi cư trú: số 2/17/47 ngõ An Phong, phường Q T11, tH11 nh phố NA Đ2, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 1/12; Con ông: Trần văn G, sinh năm 1942 (đã chết); Con bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1945; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ 4; Vợ Đinh Thị H4, sinh năm 1973 (đã ly hôn); Bị cáo có 3 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/5/1997, Tòa án nhân D tối cao xét xử P thẩm phạt 08 năm tù giA về tội ‘Giết người’; Ngày 11/3/2002 Tòa án nhân D tỉnh H11 NA xử phạt 12 tháng tù giA về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 29/9/2009 Tòa án nhân D tối cao xử P thẩm phạt 24 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”; Ngày 17/8/2016 Tòa án nhân D tỉnh NA Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị bắt tạm giA từ ngày 21/7/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giA tại Trại Tạm giA Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

9- Họ và tên: Nguyễn Thanh C, sinh năm 2001; Giới tính: NA; ĐHKHKT và nơi cư trú: Xóm 5 Phú L1, xã Hải C1, huyện Hải H4, tỉnh NA Định; Quốc tịch: V NA; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình Đ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn T12, sinh năm 1971, con bà H Thị N5, sinh năm 1968; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út; Chưa có vợ; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giA từ ngày 02/6/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giA tại Trại tạm giA Công an tỉnh NA Định; Có mặt tại P toà.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lương Minh Đ* : Ông V Viết N6 và bà Nguyễn Thị S, Luật sư Công ty Luật TNHH V T14 thuộc Đoàn Luật sư tH11 nh phố H11 Nội; Địa chỉ: số 132, đường Ngọc H8, thị trấn Văn Đ4, huyện Thanh T14, tH11 nh phố H11 Nội; Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo V Văn Đ*: Luật sư Bùi Văn T15 – Văn phòng luật sư Đông A thuộc Đoàn luật sư tỉnh NA Định; Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn D*: Luật sư Phạm Thị M – Văn phòng luật sư Minh Đ4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh NA Định; Có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo V Minh H1 và Trần Tất A*: Luật sư Lại Thị Bích L1– Văn phòng luật sư Bắc Y Luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh NA Định; Có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh C*: Ông Đoàn Văn T16(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt) và ông Trần H V (Có mặt) Luật sư Công ty Luật TNHH Đoàn G thuộc Đoàn Luật sư tH11 nh phố H11 Nội;

** Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Anh T18 có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1962. Trú tại: 3/71 đường Thái B3, phường Lộc H9, tH11 nh phố NA Đ2, tỉnh NA Định; Có mặt tại P tòa.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có các bị cáo khác, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị tên toà án không triệu tập.

NỘI D VU ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại P tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu H10 (vợ của Lê T A1) biết tin Nguyễn Minh Đ4 là bạn quen biết xã hội của H11 vừa chấp H11 nh xong hình phạt tù về địa phương. C ngày 13/3/2021 H11 đi về thị trấn Cổ L để thăm Đ, Lê T A1 biết được việc này và nghi ngờ giữa H11 và Đ có mối quan hệ cặp bồ với nhau.

Trưa ngày 14/3/2021, Nguyễn Toại A2, Trần Q A3, Đoàn Văn P, Phạm Tiến Đ đến chơi và ăn cơm trưa tại nhà Lê T A1. Tại đây T A có kể cho mọi người biết việc H11 và Đ có quan hệ tình cảm và muốn đi tìm đánh Đ thì được mọi người khuyên ngăn, sau khi ăn cơm xong Đạt đi về nH11 . Đến khoảng 15h30' cùng ngày T A rủ P, Toại A2, Q A3 đến thị trấn Cổ L gặp Đ nói chuyện. Lúc này, Trần Văn T10 đi xe máy qua ngõ nhà T A thì gặp T A. T A rủ T đi xuống huyện chơi thì T đồng ý. Sau đó, T A gọi điện thuê Bùi Ngọc H10 (làm nghề lái xe taxi) chở nhóm T A. Trước đó, T A chuẩn bị dao, kiếm, dùi cui điện trong xe ô tô Accent màu đỏ. T A điều khiển xe ô tô Accent màu đỏ (xe của T A không xác định được BKS) đi một mình, 04 người còn lại đi trên xe ô tô Kia morning màu trắng (BKS: 18A-149.93) do H10 điều khiển đến thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa H3, tỉnh NA Định. Trên đường đi, T A gọi điện rủ Phạm Tiến Đạt, Nguyễn Văn V cùng T A đi đánh nhau và hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ T V ở thị trấn Liễu Đề. V đồng ý và mang theo 01 khẩu súng bắn đạn bi bằng khí nén CO2 dài khoảng 20cm, màu đen, ốp báng súng màu nâu giắt ở cặp quần trước bụng rồi một mình đến nhà nghỉ T V thuê phòng 503. Một lúc sau, T A, Toại A2, P, T, Q Anh, Đạt đi lên phòng 503 nhà nghỉ T V . Tại đây, T A nói với mọi người việc H11 và Đ cặp bồ với nhau. T A nói: “Tí nữa sang Cổ Lễ nói chuyện với Đ già, em solo một sống hai chết với nó. Anh em đi cùng em còn để em với nó xử lý nhau, em để mấy con đồ mang xuống cấp xe rồi”. V , Đạt và nhiều người khuyên ngăn T A không nên đánh nhau, nói chuyện với Đ nếu Đ sai thì phải xin lỗi T A. V nói với T A là Bùi Tuyên H có tiếng nói ở thị trấn Cổ L nên nhờ H đứng ra sắp xếp cho T A và Đ gặp, nói chuyện với nhau. Sau đó, T A gọi điện thoại nói cho H biết việc vợ của T A với Đ cặp bồ với nhau và nhờ H sắp xếp cho T A và Đ gặp nhau để nói chuyện. Do H đều là người quen biết T A và Đ nên đã đồng ý

sắp xếp cho T A và Đ gặp nói chuyện với nhau vào tối ngày 14/3/2021 tại cửa H11 ng cầm đồ của H ở tổ D phố Đình C, thị trấn Cổ L. H gọi điện thông báo việc này cho Đ biết. Khoảng 30 phút sau, nA thanh niên mặc quần bò màu xanh, áo khoác màu xanh đi vào trong phòng 503, T A đưa tiền và bảo người này đi mua cho T A 2 - 3 con dao bầu để mang đi phòng nhóm của Đ tấn công. Một lúc sau, người thanh niên mang dao bầu bọc trong túi bóng đen để dưới gầm giường phòng 503. Khoảng 18h30, Cao Văn T17 đến phòng 503 nhà nghỉ T V để chơi với Toại A2. Trần Văn T19, Nguyễn Thanh C đến gặp Toại A2 để vay tiền. Lúc này, cả nhóm của T A ăn cơm tại phòng 503, không nói gì về việc đánh nhau với Đ. Sau khi ăn cơm xong V gọi điện, nhắn tin qua zalo hỏi H : “Em ơi! Ông ấy về chưa? Anh em bố trí cho nó gặp nói chuyện tí cho xong. Anh cũng đau đầu”. H hẹn 20h30 đến cửa H11 ng cầm đồ của H để cho T A và Đ nói chuyện. Lúc này, H , Đ, V Minh H1 đang ăn uống với nhau tại quán ăn thuộc xã Trung Đ, huyện Trục N. H nói với Đ: “Bọn thằng T A đang xuống nói chuyện với chú về việc giữa chú với vợ T A”, Đ nói: “Tao với vợ nó không có gì, mày cứ bảo nó đến nhà gặp chú nói chuyện”.

Đến khoảng 20h00 ngày 14/3/2021, nhóm của T A trả phòng để đi đến quán cầm đồ của H gặp Đ để nói chuyện. T19, C, T cùng đi theo, không biết cả nhóm đi đâu, làm gì. T A bảo Q A3 mang dao bầu ở trong túi nilon đen đi theo. Q A3 mang dao bầu xuống để cốp xe Kia Morning BKS: 18A-149.93. Khi đi xuống cổng nhà nghỉ, T A đưa cho Đạt 01 dùi cui điện và nói: “Anh cầm lấy để phòng thân”. Sau đó, T A điều khiển xe ô tô Accent chở P, Toại A2 và một người thanh niên mặc quần bò màu xanh, áo khoác màu xanh; H10 điều khiển xe Kia Morning BKS: 18A-149.93 chở T, T19, C, T. Đạt gọi điện thuê anh Đình Toàn Thắng (làm nghề lái xe taxi) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu đen, BKS 18A-098.38 chở Đạt, Q A3 và V . Cả nhóm đi trên 03 xe ô tô đi đến cửa H11 ng cầm đồ của H . Khi đến cửa H11 ng cầm đồ của H , T A xuống xe và thấy cửa H11 ng cầm đồ của H đang đóng cửa không có ai. Lúc này, H , Đ và H10 đã ăn uống xong, đang ngồi ở nhà Đ để uống nước. T A gọi điện thoại cho H và nói: “Bạn đang ở đâu đấy?”. H trả lời: “Tôi đang ở nhà chú Đ, bạn vào đây nói chuyện”. T A nói: “Bạn điên à! Tôi vào đây nó úp tôi à. Bạn bảo thằng Đ ra quán nước nói chuyện”. H nói: “Có tôi ở đây thì làm gì có chuyện bị úp. Bạn vào đây nói chuyện”. T A tắt máy. Đ bảo H cho số điện thoại của T A và gọi điện cho T A: “Tao với vợ mày không có gì đâu. Hơn nữa mày chơi với thằng Tươi Tiếp cháu tao, tại sao tao lại làm như thế. Vào trong nhà nói chuyện, không lại hiểu nhầm nhau”. T A nói: “Địt mẹ mày, tao không vào nhà mày, tao muốn gặp mày ở cầu Điện Biên, nói chuyện như hai thằng đàn ông cho nó sòng phẳng”. Đ nói: “Mày không vào nhà tao được à”. T A nói: “Đ.mẹ mày, cứ ra cầu Điện Biên nói

chuyện với tao”. Đ nói: “Được rồi, tao sẽ ra cầu Điện Biên gặp mày”. Sau đó, Đ gọi điện và bảo V Văn Đ, Phạm Thế L, Lê Văn D, Nguyễn Văn T13 đến nhà Đ. Thấy Đ gọi điện cho nhiều người, H nhấn tin, gọi điện qua Zalo cho V với nội D : “ông Đ đang gọi người ra cầu Điện Biên đánh thằng T A. Bây giờ mà gặp nhau thì đánh nhau to. Tôi không can thiệp nữa, chuyện của ông Đ với thằng T A như thế nào thì hai người tự giải quyết”.

Sau khi nhận được cuộc điện thoại của Đ, D lấy 01 con dao dài khoảng 60cm, lưỡi dao bằng kim loại, sáng màu, dài 40cm, bản rộng 5cm, có 01 cạnh sắc, 01 mũi nhọn, cán dao bằng gỗ màu vàng dài khoảng 20cm được đựng trong vỏ bằng vải màu đen trong tủ trên gác xép nhà trọ của D thuê ở thị trấn Cát TH11 nh, huyện Trục N. D hỏi mượn xe máy của Ninh Ngọc D đi có việc và không nói cho D biết là đi đâu. D không cho mượn mà D chở D đến cầu Điện Biên rồi về. Đ điều khiển xe máy Wave Alpha màu trắng, BKS: 18E1-118.69 đến nhà Đ thì Đ nói: “chờ D rồi đi ra cầu Điện Biên”. Sau đó, Đ đi xe máy đến cầu Điện Biên. Một lúc sau, L điều khiển xe máy Future màu đỏ BKS 18B- 6742 đến cổng nhà Đ. Đ đi vào nhà bếp lấy ra 02 thanh kiếm (lưỡi kiếm bằng kim loại sáng màu, dài khoảng 70 - 80cm, có 01 mũi nhọn, có 01 cạnh sắc, bản rộng khoảng 3cm, chuôi kiếm bằng gỗ được cuốn dây dù tối màu); 01 thanh đao (dài khoảng 80cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, có 01 cạnh sắc, đầu lưỡi đao bằng, bản rộng khoảng 5cm, cán đao bằng sắt, hình trụ dài khoảng 20cm). Đ đưa cho H10 và L mỗi người 01 thanh kiếm và bảo: “L chở H10 ra cầu Điện Biên”. L dắt kiếm ở phía trên xe máy rồi điều khiển xe máy chở H10 ra cầu Điện Biên. Lúc này, Trần Tất A (em rể của Đ) đi xe máy về thì gặp Đ đứng ở ngoài cổng. Đ bảo A chở ra cầu Điện Biên. A điều khiển Airblade BKS: 18K1 – 307.43 (xe Đ mượn của chị Lưu Thị D) chở Đ cầm 01 thanh đao ra cầu Điện Biên. H một mình lái xe ô tô nhãn hiệu Peugeot, BKS 18A- 235.47 đi đến cách ngã tư QL21 - cầu Điện Biên khoảng 30 - 40m thì dừng xe bên trái đường và ngồi trong xe ô tô. Khi đến ngã tư QL21 - cầu Điện Biên, Đ, A đứng ở trước cửa H11 ng tạp hóa gần ngã tư QL21 - cầu Điện Biên và để đao kiếm ở góc cây gần đó, H10 đi vào cửa H11 ng tạp hóa mua khẩu trang. Đ và L đứng ở đầu cầu Điện Biên. D để đao trên ống nước giáp th11 nh cầu Điện Biên rồi đi sang đứng trước cửa H11 ng Viettel.

Sau khi đến quán cầm đồ của H và không gặp được Đ thì nhóm của T A điều khiển xe ô tô đi đến gần cầu Vô Tình và dừng lại bên dọc đường. V xuống xe khuyên ngăn T A nên nói chuyện và không đánh nhau với Đ. T A không nghe lời khuyên của V và nhất định phải đánh nhau với Đ. Sau đó, V lên xe ô tô Kia Morning màu trắng BKS: 18A-149.93, T sang xe ô tô Vios BKS 18A- 098.38 màu đen. Lúc này, T A đưa cho Q A3 01 con dao bầu, T được một người đưa cho 01 thanh kiếm. T A điều khiển xe ô tô Accent chở P, Toại A2 và một người thanh

niên mặc quần bò màu xanh, áo khoác màu xanh đi trước; T19, C, V đi xe taxi Kia Morning BKS: 18A-149.93 do H10 điều khiển; xe Vios BKS 18A- 098.38 màu đen chở Đạt, Q Anh, T đi sau và cùng đi đến ngã tư QL21 - cầu Điện Biên.

Khi đến gần ngã tư QL21 – cầu Điện Biên thì T A hạ cửa kính xe, quay sát bên đường và nói: “Chúng nó có đồ đây. Có đồ ở dưới gầm ghế, chúng mày cầm đồ đi không chúng nó phang đấy”. T A đỗ xe ô tô sát vỉa hè cầm 01 con dao lê; P và người thanh niên mặc áo khoác xanh, quần bò dài màu xanh mỗi người lấy 01 con dao dài khoảng 45 cm, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, có 01 cạnh sắc, 01 đầu nhọn dài khoảng 35cm, bản rộng khoảng 4cm; Toại A2 lấy 01 thanh kiếm dài 60cm, mũi bằng, có 01 lưỡi sắc, cán dao bằng gỗ dài khoảng 15cm, có vỏ bằng gỗ màu đen ở gầm ghế ghế lái và ghế phụ xe ô tô. T A, P, người thanh niên mặc áo xanh cầm dao xuống xe, chạy đến tấn công Đ, A, H10. Lúc này, Đ bị chém 01 nhát vào mu bàn tay trái, 01 nhát vào cổ tay phải, 01 nhát vào cổ chân trái. Sau đó, Đ lấy 01 thanh đao, A lấy 01 thanh kiếm để ở gốc cây trước cửa H11 ng tạp hóa, H10 lấy 01 thanh kiếm đang dựng ở xe máy của H10. Cả hai nhóm dùng dao kiếm lao vào xô xát đánh nhau, A bị chém 01 phát vào đỉnh đầu. Thấy xô xát đánh nhau, L đi bộ từ cầu Điện Biên sang bên kia đường và bỏ đi. Đ cầm 01 dao của D để mé cầu Điện Biên chạy sang thA gia đánh nhau. D đi từ phía cửa H11 ng Viettel đến chỗ đang xô xát đánh nhau. V hạ kính cửa xe ghế sau bên phải, chĩa súng bắn bi bắn 2 - 3 phát trúng vào sườn trái của H10. V mở cửa đi xuống xe thì Đ cầm dao chém về V. V lên xe đóng cửa lại thì Đ cầm dao chém với theo V thì trúng vào kính hậu xe ô tô Kia Morning, làm vỡ kính. H10 (lái xe taxi Kia Morning) chở V, T19, C, T bỏ chạy về phía thH11 nh phố NA Đ2, H10 cầm kiếm đuổi theo. Do cửa bên ghế phụ xe ô tô Accent bị vật bên ngoài cản, Toại A2 không mở được cửa xe. Toại A2 hạ cửa kính bên ghế phụ, cầm kiếm bằng tay trái chui ra ngoài để thA gia đánh nhau với nhóm người của Đ. Một người trong nhóm của Đ chém 01 nhát vào ngón cái và ngón trỏ bàn tay trái của Toại A2 thì Toại A2 cầm kiếm bỏ chạy. Lúc này, D vừa đi đến, nhát chổi trước cửa H11 ng tạp hóa rồi cùng Đ cầm kiếm, Đ cầm đao, A cầm kiếm đuổi T A, P, Toại A2 và người thanh niên mặc áo khoác xanh, quần bò dài màu xanh cầm dao kiếm bỏ chạy về phía TP NA Định. Khi đến trước cửa H11 ng Viettel, T A dừng lại tay phải cầm dao lê đâm về phía Đ nhưng không trúng, Đ dùng kiếm chém 01 nhát từ trên xuống dưới, từ phải qua trái chém vào phần đầu bên phải của T A. D cầm chổi lao đến vọt vào đầu T A. Đ cầm đao chém 01 nhát vào thắt lưng bên trái, 01 nhát vào vùng cổ bên trái của T A. Đ cầm đao chém 01 nhát từ trên xuống dưới, từ phải qua trái vào phía sau đầu bên trái của T A. T A quay người về phía Đ thì Đ đi giật lùi và ngã ngửa ra vỉa hè trước cửa H11 ng Viettel. T A lao đến dùng dao lê đâm 01 phát vào gò má trái của Đ. Sau đó, T A ngã xuống vỉa hè. Đ cầm

kiếm chém liên tiếp 04 nhát vào người T A, A cầm kiếm chém liên tiếp 05 nhát vào người T A, D cầm chổi vọt vào người T A. Khi Đ, Đ, A, D đang tấn công T A, H10 cầm kiếm lao đến định tấn công T A thì lúc này P cầm dao lao vào nhóm người của Đ đang tấn công T A, thì H10 cầm kiếm đuổi P bỏ chạy về phía H11 ng phố NA Đ2. P ngã xuống đường thì H10 dùng phần sống kiếm vọt 01 phát vào chân P. Lúc này, Toại A2 cầm kiếm, chạy đến chỗ nhóm người đang tấn công T A ở vỉa hè, chém 01 phát về phía người D. D cầm chổi ném về phía Toại A2 rồi bỏ chạy về phía cầu Lạc Quần. Khi bỏ chạy, tay trái của D có va vào kiếm của Đ và A và phát hiện bị thương ở bàn tay trái. Đ cầm dao, chạy từ phía sau, chém 01 phát vào bả vai phải của Toại A2 làm rơi dao ra giữa đường. Toại A2 cầm kiếm đuổi theo A, Đ, D bỏ chạy về phía cầu Lạc Quần. Lúc này, xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu đen BKS 18A- 098.38 đi đến, dừng ở chân cầu Điện Biên. Đạt cầm dùi cui điện, Q A3 cầm dao bầu nhọn, T cầm kiếm đi xuống, chạy đến tấn công nhóm người của Đ. T cầm kiếm chém 01 phát về phía lưng của Đ đang cúi xuống nhặt dao. Đ bỏ chạy, Q A3 cầm dao bầu, Đạt cầm dùi cui điện đuổi theo Đ bỏ chạy về phía cầu Lạc Quần. H10 cầm kiếm chạy từ phía cửa H11 ng Viettel đến chỗ Q A3 và Đạt. H10 dùng sống kiếm vọt 01 phát vào người Q Anh. Lúc này, người lái xe dịch vụ điều khiển 01 xe ô tô màu trắng chở Thuận đi từ phía cầu Lạc Quần đi đến. Thuận thấy H10 cầm kiếm xô xát đánh nhau thì Thuận đi từ trên xe ô tô xuống, nhặt 01 thanh kiếm ở dưới chân đuổi theo Q Anh, Đạt bỏ chạy sang cầu Điện Biên. Toại A2 cầm kiếm chạy từ phía xe ô tô Accent đang đỗ chạy qua mặt Thuận thì Thuận cầm kiếm đuổi theo Toại A2 bỏ chạy về trước cửa H11 ng Viettel. H10, Đ, Thuận cầm dao, kiếm đi đến chỗ T A, Toại A2. Nhìn thấy T A bị thương nặng H10, Đ, Thuận bỏ đi. Toại A2 thấy T A bị thương nặng ở phần đầu, vai nên đã đưa T A lên ngồi ở ghế phụ xe kia Morning BKS 18A-149.93 do Bùi Ngọc H10 (người lái xe taxi) điều khiển chở V, T, T19, C đưa T A đến Bệnh viện đa khoa tỉnh NA Định để cấp cứu, tại đây Bác sỹ xác định T A đã tử vong. Ngay sau khi đưa T A vào viện thì Bùi Ngọc H10 đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh NA Định trình báo sự việc. Sau khi xô xát đánh nhau xong, D nhờ Ninh Ngọc D chở đến Trung tâm Y tế huyện Trục N để cấp cứu, Đ chở A về nhà A. Bùi Tuyên H lái xe chở Thuận, H10 về nhà Thuận sau đó chở H10 đến cầu Lạc Quần. H đưa cho H10 số tiền 1.000.000 đồng để H10 bắt taxi đi bỏ trốn. Sau khi chở A về H11, Đ quay lại hiện trường chở Đ đi về nhà T (em con chú ruột của Đ – nhà ở làng Kênh, TT.Cổ Lễ).

Sau khi nhóm người của Đ và nhóm người của T A đánh chém nhau xong và rời khỏi hiện trường, Nguyễn Minh T điều khiển xe ô tô BKS: 18B – 023.55 chở Lưu Thị D (có con chung với Đ) và cháu Lương Thị P (con của D và Đ) về nhà Đ. Khi D và Trình đi đến ngã tư QL21 – cầu Điện Biên thì được người D nói cho

biết Đ và D xô xát đánh nhau, bị thương đã được đưa đi cấp cứu. D và Trình đi đến Trung tâm Y tế huyện Trục N thì gặp D bị thương tích ở tay, L lượng công an đã có mặt và làm việc với D ở đây. Lúc này, Đ gọi điện nhờ D chở Đ đi cấp cứu. Sau đó, Trình điều khiển xe ô tô chở D đến đón Đ và Đ, đưa Đ đi cấp cứu tại bệnh viện Xanh Pôn – H11 Nội. Trên đường đi Đ và Đ không nói về việc xô xát đánh nhau, Trình và D không biết hậu quả của việc xô xát đánh nhau như thế nào. Trên đường đi, D gọi điện vay tiền D để nộp tiền viện phí, D đưa cho D vay số tiền 5.000.000 đồng tại cổng Bệnh Viện 1 NA Định. Khi D và Trình chở Đ và Đ đến bệnh viện Xanh Pôn – H11 Nội, D làm thủ tục nhập viện cho Đ xong thì D và Trình đi về. Lương Minh Đ gọi điện cho chị Đinh Thị Thủy (đang làm ăn, sinh sống tại tH11 nh phố Hải Phòng) đến bệnh viện Xanh Pôn – H11 Nội. Đ gặp và nói với chị Thủy bị tai nạn bác sỹ nói ngày hôm sau chuẩn đoán mới quyết định khâu hay mổ. Chị Thủy nói nếu vậy thì đến Bệnh viện V Tiệp – tH11 nh phố Hải Phòng ở đây làm cả ngày, cả đêm. Sau đó, Đ, Đ cùng với chị Thủy đi xe taxi đến Bệnh viện V Tiệp – tH11 nh phố Hải Phòng, Đ vào làm thủ tục khâu vết thương, khi làm thủ tục Đ không khai tên, tuổi, địa chỉ thật mà khai tên và địa chỉ giả. Sau khi khâu xử lý xong vết thương đến khoảng 08h sáng ngày 15/3/2021 thì Đ nói với chị Thủy làm thủ tục ra viện, chị Thủy đưa Đ và Đ về nhà chị tại Lạch Chay- tH11 nh phố Hải Phòng để nghỉ ngơi, đến sáng ngày 16/3/2021 Đ bỏ đi khỏi nhà chị Thủy. Lúc này Đ mới nói cho chị Thủy biết việc Đ và Đ thA gia đánh nhau dẫn đến một người bị chết. Chị Thủy đã khuyên và dẫn Đ đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh NA Định để đầu thú.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh NA Định phối hợp với các đơn vị chức năng, tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định rõ nội D vụ án.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường xảy ra vụ việc là khu vực ngã tư đường QL21 giao đường tỉnh lộ 487, trước cửa H11 ng điện thoại di Đng Viettel Store thuộc tổ D phố Đình C, thị trấn Cổ L, huyện Trục N, tỉnh NA Định. Đường Quốc Lộ 21 chạy theo hướng Bắc NA, trong đó phía Bắc đi tH11 nh phố NA Đ2, phía NA đi cầu Lạc Quần, phía Đông giáp với khu D cư khu phố Đình C, phía Tây giáp sông; tỉnh lộ 487 đi theo hướng Đông – Tây, trong đó phía Đông đi xã Trục Chính, phía Tây đi cầu Điện Biên và đi xã Trung Đ. Đường QL 21 rộng 10,7m được trải nhựa áp-phan, đoạn trước ngã tư cầu Điện Biên ở hai đầu có vạch kẻ đường liền sơn màu vàng, chia mặt đường tH11 nh hai C riêng biệt.

Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ 08 dấu vết nghi máu, 01 chai rom, 02 vỏ kiếm, 03 cái dép, 04 viên bi sắt, 01 tay nắm đầm kim loại, 02 xe máy.

* Kết quả khám nghiệm tử thi: Tử thi được xác định là anh Lê T A1, sinh năm 1989, trú tại 3/71 đường Thái B3, phường Lộc H9, tH11 nh phố NA Đ2, tỉnh NA Định.

Khám ngoài: Trên ngoài cởi trần, dưới mặc quần dài rằn ri, đeo thắt lưng vải màu xanh không cài khoá trong mặc quần lót màu đen, quần bám dính nhiều máu khô. Đầu cuốn băng thấm máu, miệng còn đặt ống thở.

Áo khoác rằn ri nạn nhân mặc trước khi tử vong, kiểm tra thấy: vết rách kích thước (3,2x0,2)cm, cách đường cổ áo 18cm, điểm gần nhất của vết cách đường nách chỉ bên trái 9cm; vết rách kích thước (1,5x0,2)cm cách cổ áo 09cm, điểm gần nhất cách đường chỉ nách bên phải 12cm; vết rách kích thước (3x0,5)cm cách cổ áo 19,5cm, cách đường chỉ nách áo bên trái 19cm; bề mặt áo trong và áo ngoài bám dính nhiều máu.

Các dấu vết tổn thương cơ thể: Tử thi đang trong thời kỳ co cứng, hoen tử thi dần định hình mặt sau thân người. Kết giác mạc hai mắt trắng nhợt, hai lỗ mũi bám dính máu khô.

- + Vùng cằm bên trái có vết rách da cơ nằm ngang KT (10x1,7) cm.
- + Vùng đỉnh cằm bên phải xuống đầu trong vết vùng cằm có vết rách da cơ nằm chéo từ phải qua trái kích thước (8x1) cm, bờ mép gọn, nền vết sâu tới sát xương và mẻ bảng xương hộp sọ
- + Giữa cằm trái có vết rách da cơ nông kích thước (5x0,5) cm.
- + Từ vành tai bên phải ra sau vùng cằm gáy có vết rách da cơ sâu tới xương nằm gần ngang kích thước (13x2,5) cm, nằm trên vết này có vết rách da cơ nằm ngang qua vết kích thước (7x2) cm, bờ mép vết gọn.
- + Đỉnh đầu bên phải có vết rách da cơ sâu tới xương, kích thước (4,5x0,3) cm bờ mép gọn, mép dưới vết có in ấn tụ máu.
- + Đỉnh đầu bên trái có vết rách da cơ sâu tới xương kích thước (4x0,3) cm, mép trong của vết in ấn tụ máu.
- + Vùng đỉnh thái dương bên trái có vết rách da cơ sâu tới xương kích thước (3x0,3) cm.
- + Vùng trán bên trái có vết rách da cơ nằm dọc tạo vạt da bong sang phải mẻ xương hộp sọ, bờ mép sắc gọn, hai đầu vết nhọn hướng sang bên phải kích thước (3,5x1) cm.
- + Vùng trán thái dương bên trái có đám bầm dập tụ máu da cơ trên diện (6x3)cm.

- + Nếp gấp khuỷu tay phải có vết trợt da tụ máu kích thước (2,5x0,3) cm.
- + Mặt ngoài 1/3 trên cẳng tay phải có vết trợt da tụ máu KT (6x0,5) cm.
- + Mặt ngoài 1/3 trên cẳng tay bên trái có vết bầm tím KT (4x1,5) cm.
- + Mặt mu bàn tay bên trái có vết trợt da tụ máu KT (2x0,5) cm.
- + Mặt mu đốt 1 ngón 3 bàn tay trái có vết rách da cơ KT (1,7x0,7) cm.
- + Mặt mu đốt 2 ngón 2 bàn tay trái trợt da cơ.
- + Mặt ngoài, sau bả vai bên trái có vết rách da cơ kích thước (3,7x1,3) cm, sâu 2,5cm; dưới vết này 1cm có vết trợt da nằm ngang kích thước (5x0,5) cm; dưới vết này 05cm có vết trợt da cơ nằm ngang kích thước (5x0,5) cm.
- + Vùng thất lưng bên trái có vết trợt da cơ nằm ngang (10x0,2) cm.
- + Mặt sau trong bả vai bên phải có vết rách da cơ nằm ngang KT (3x0,3) cm.

Mô tử thi:

- + Rạch da cơ đầu tụ máu dưới da cơ thái dương, đỉnh trái KT (10x6) cm
- + Xương hộp sọ vùng chẩm có đường vỡ xương tạo vạt xương mẻ xuống phía dưới KT (9x0,2) cm; Đầu vỡ bên phải nứt xuống chẩm dài 7cm, đầu vỡ bên trái nứt xuống chẩm dài 2cm, cách vết nứt này có vết nứt xuống chẩm dài 3,5cm.
- + Vùng đỉnh chẩm bên phải có vết vỡ xương kích thước (4x0,2) cm
- + Vùng chẩm bên trái có vết mẻ xương hộp sọ kích thước (2,1x0,2) cm.
- + Vùng đỉnh bên phải có vết mẻ xương kích thước (1,2x0,1) cm
- + Xương hộp sọ vùng trán có đám vỡ mẻ xương KT (7x4) cm, xương hộp sọ vùng chẩm gáy bên phải có đám đứt rời xương KT (2x2) cm.
- + Não thất vùng chẩm có đám rách màng cứng dài 7cm nằm ngang, não thất vùng chẩm hai bên rách đứt dài 5cm, chỗ sâu nhất 2,2cm. Vùng não thất hai bên vùng chẩm tụ máu trên diện (9x5) cm.
- + Diện cắt não vùng chẩm chứa nhiều nước máu và máu đông

- Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 357/GĐKTHS ngày 22/3/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NA Định kết luận: Nạn nhân Lê T A1 chết do chấn thương vùng đầu, sốc mất máu cấp; Cơ chế hình tH11 nh dấu vết: Các vết thương kích thước lớn vùng đầu do vật cứng, sắc tác Đng trực tiếp.

- Tại Bản kết luận giám định ADN số 2307/C09-TT3 ngày 29/3/2021, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các mẫu thu tại hiện trường ký hiệu 7, 9, 10 là máu của Lê T A1. Chất màu nâu đỏ thu tại ghế xe ô tô BKS 18A- 149.93 là

máu người nhưng không phân tích được kiểu gen do lượng dấu vết ít, chất lượng dấu vết kém.

- Tại Bản giám định số: 382/GĐKTHS/2021 ngày 25/3/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NA Định kết luận: Khẩu súng thu giữ trong quá trình điều tra gửi giám định là loại súng bắn bi bằng khí nén, không phải là V khí quân dụng, thuộc danh mục đồ chơi nguy hiểm bị cấm. Khi sử dụng súng và đạn của súng bắn vào cơ thể người gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe.

- Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 171/21/TgT ngày 30/6/2021, Trung tâm pháp y tỉnh NA Định kết luận tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lương Minh Đ hiện tại là 20%. Cơ chế hình tH11 nh vết thương: Vật cứng có cạnh sắc tác Đng gây thương tích.

- Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 172/21/TgT ngày 30/6/2021, Trung tâm pháp y tỉnh NA Định kết luận tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Toại A2 hiện tại là 05%. Cơ chế hình tH11 nh vết thương: Vật cứng có cạnh sắc tác Đng gây thương tích.

- Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 173/21/TgT ngày 30/6/2021, Trung tâm pháp y tỉnh NA Định kết luận tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trần Tất A hiện tại là 04%. Cơ chế hình tH11 nh vết thương: Vật cứng có cạnh sắc tác Đng gây thương tích.

- Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 174/21/TgT ngày 30/6/2021, Trung tâm pháp y tỉnh NA Định kết luận tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Văn D hiện tại là 10%. Cơ chế hình tH11 nh vết thương: Vật cứng có cạnh sắc tác Đng gây thương tích.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL- HĐ ĐGTS ngày 30/6/2021, Hội đồng định giá tài sản tỉnh NA Định kết luận kính chắn gió hậu của xe ô tô Kia Morning BKS 18A- 149.93 có giá trị là 1.200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2021/HSST ngày 29 tháng 09 năm 2021 của Tòa án nhân D tỉnh NA Định đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Lương Minh Đ , V Văn Đ, Trần Tất A, Lê Văn D, V Minh H1 phạm tội “Giết người”; Đoàn Văn P, Nguyễn Toại A2, Nguyễn Văn V, Cao Văn T, Phạm Tiến Đ , Trần Q A3, Nguyễn Văn T13 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; Bùi Tuyên H phạm tội “Che giấu tội phạm”; Phạm Thế L , Trần Văn T10, Trần Văn T19, Nguyễn Thanh C phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Căn cứ các điểm n, p khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lương Minh Đ : Tử hình về tội “Giết người”, tiếp tục tạm giA bị cáo để đảm bảo thi H11 nh án.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo V Văn Đ 18 (mười tám) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 17-3-2021.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BHLS. Xử phạt bị cáo Trần Tất A 18 (mười tám) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 19-3-2021.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Lê Văn D 15 (mười năm) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 19-3-2021.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo V Minh H1 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 17-3-2021.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Đoàn Văn P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 08-6-2021.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Nguyễn Toại A2 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 19-3-2021.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn V 04 (bốn) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 19-3-2021.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Cao Văn T17 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 06-2-2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Phạm Tiến Đ 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 15-3-2021.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 BHLS; Xử phạt: bị cáo Trần Q A3 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Gây rối trật tự công cộng”, (bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 15-3-2021 đến ngày 28-6-2021).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T1318 (mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 23-6-2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BHLS; Xử phạt: bị cáo Bùi Tuyên H 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04

năm (bốn) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Che giấu tội phạm”, (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 02-6-2021 đến ngày 28-6-2021).

Giao bị cáo Bùi Tuyên H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, bị cáo Trần Q A3 cho Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, thị trấn Nam Phổ, tỉnh Nam Định quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm s khoản 1 Điều 51 BHLT; Xử phạt: bị cáo Trần Văn T10 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, thời hạn tù tính từ ngày 21-7-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BHLT; Xử phạt: bị cáo Phạm Thế L 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, thời hạn tù tính từ ngày 02-6-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C 01(một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, thời hạn tù tính từ ngày 02-6-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BHLT; Xử phạt: bị cáo Trần Văn T19 12 (mười hai) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, thời hạn tù tính từ ngày 02-6-2021.

Về phần bồi thường thiệt hại: Áp dụng Nghị quyết số 03/2006/HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Điều 591 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận thỏa thuận của các bị cáo Lương Minh Đ, Lê Văn D, Trần Tất A, V Văn Đ, V Minh H liên đới bồi thường cho gia đình bị hại. Cụ thể: Tiền chi phí mai táng 95.000.000đồng, tiền bồi thường tổn thất tinh thần 100 tháng lương cơ sở là 149.000.000 đồng tổng cộng là 244.000.000 đồng, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 48.800.000 đồng. Và các bị cáo liên đới trách nhiệm thi hành nghĩa vụ bồi thường cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trí D là 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu trưởng thành, lao động tự lập.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/10/2021, bị cáo Lương Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/10/2021, các bị cáo V Văn Đ, Trần Tất A, Đoàn Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/10/2021, bị cáo Nguyễn Thanh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/10/2021, bị cáo V Minh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/10/2021, bị cáo Nguyễn Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/10/2021, Viện kiểm sát tỉnh Nam Định kháng nghị đối với bị cáo Lương Minh Đ sửa hình phạt tử hình tH11 nh tù chung thân.

Ngày 13/10/2021, bị cáo Trần Văn T10 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/10/2021, người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo phân trách nhiệm D sự đối với các bị cáo Lương Minh Đ , V Văn Đ, Trần Tất A, Lê Văn D, V Minh H1.

Tại Phiên tòa Phúc thẩm: Các bị cáo đều thành khẩn nhận tội, không có bị cáo nào thắc mắc về tội danh, khung khoản, điều khoản áp dụng, mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D cấp cao tại Hà Nội: Rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân D tỉnh NA Định. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo các bị cáo, cũng như đại diện hợp pháp của bị hại, để giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

** Luật sư Nguyễn Thị S trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Lương Minh Đ :* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NA Định giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Luật sư Bùi Văn T15 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo V Văn Đ:* Tôi xin chia sẻ gia đình với gia đình của bị hại, bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

** Luật sư Lại Thị Bích L1 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Tất A:* Tôi xin chia buồn sâu sắc với gia đình bị hại, qua quá trình nghiên cứu hồ sơ, thẩm vấn P toà ngày hôm nay. Đối với bị cáo Trần Tất A về hình phạt thì theo tôi hình phạt này có phần nghiêm khắc, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định, gia đình cũng đã nộp đơn hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo đã nộp 10 triệu đồng để khắc phục hậu quả. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử cho giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Trần Tất A thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

** Luật sư Phạm Thị M trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Lê Văn D:* Tôi không có ý kiến gì về tội danh, tôi thấy mức bồi thường là đã phù hợp. Tôi đề nghị HĐXX giữ nguyên về mức bồi thường như bản án sơ thẩm đã tuyên.

** Luật sư Trần H V T14 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Thanh C:* Bị cáo có nhân thân tốt, đây là vi phạm lần đầu, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, gia đình bị hại có làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo không A hiểu pháp luật. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử cho giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh C và cho bị cáo được hưởng án treo.

** Luật sư Lại Thị Bích Lị trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo V Minh H1:* Bị cáo H10 thA gia giúp sức về mặt tinh thần, bị cáo không thA gia trực tiếp đánh bị hại, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại như bản án sơ thẩm đã tuyên. Nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Bà Nguyễn Thị E trình bày quan điểm:* Tôi không đồng ý với luật sư bào chữa cho bị cáo Lương Minh Đ , bị cáo Đ không tH11 nh khẩn trước P toà, đến giờ phút này này anh Đ còn đòi tội cho con tôi. Tôi đề nghị các bị cáo cấp dưỡng cho cháu và tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng và tranh luận công khai tại Phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh NA Định và Điều tra viên; và Viện kiểm sát nhân D tỉnh NA Định, và Kiểm sát viên và của thẩm phán, hội thẩm nhân D và thư ký của cấp sơ thẩm thì trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại P tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc kH10 nại về H11 nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H11 nh tố tụng, người tiến H11 nh tố tụng. Do đó, các H11 nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, cũng như của người tiến H11 nh tố tụng đã thực hiện đi đúng điều lệ, đúng pháp luật.

Tại P toà P thẩm đại diện Viện kiểm sát cấp P thẩm đã rút quyết định Kháng nghị số 1231 ngày 12/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh NA Định. Hội đồng xét xử cấp P thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử P thẩm đối với bị cáo Lương Minh Đ về nội D kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân D tỉnh NA Định cho bị cáo Lương Minh Đ .

[2] Về tội danh, điều khoản áp dụng pháp luật: Về H11 nh vi phạm phạm tội của các bị cáo thì trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm thì các bị cáo đều đã tH11 nh khẩn khai nhận H11 nh vi phạm tội của mình. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo đều với nội D xin khoản hồng giảm nhẹ. Tại P toà P thẩm các bị cáo đều thừa nhận là các bị cáo đã thực hiện H11 nh vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết là đúng H11 nh vi phạm tội của các bị cáo. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Xuất phát từ việc Lê Anh T18 (người bị hại) nghi ngờ vợ mình Nguyễn Thị Thu H10 sinh năm 1997 có quan hệ ngoại tình với Lương Minh Đ . C ngày 14/3/2021, Lê T A1 rủ Nguyễn Toại A2, Trần Q A3, Đoàn

Văn P, Phạm Tiến Đạt, Nguyễn Văn V, Trần Văn T10 đi cùng đến thị trấn Cổ L, huyện Trục N để T A đánh nhau với Đ. Mọi người khuyên ngăn T A đến gặp nói chuyện rõ ràng với Đ, ai sai thì người đó phải xin lỗi. Sau đó, T A đưa tiền mua dao để nhóm của T A cầm dao phòng thân khi đi cùng T A tìm gặp Đ. Lê T A1 và V nhờ Bùi Tuyên H sắp xếp cho T A và Đ gặp để nói chuyện với nhau. H đồng ý sắp xếp cho T A và Đ gặp nói chuyện với nhau. Hồi 20h30 ngày 14/3/2021 tại quán cầm đồ của H. Khoảng 20h30, Lê T A1, Nguyễn Toại A2, Trần Q A3, Đoàn Văn P, Phạm Tiến Đạt, Nguyễn Văn V, Trần Văn T10 đến quán cầm đồ của H với mục đích để nói chuyện, đi cùng nhóm T A có Cao Văn T, Trần Văn T19 và Nguyễn Thanh C. Khi đến quán cầm đồ của H thì H đang ở nhà Đ cùng với V Minh H1, không sắp xếp cho T A và Đ gặp nói với nhau tại quán cầm đồ được. Đ muốn T A vào trong nhà Đ để nói chuyện nhưng T A không đồng ý, T A gọi điện chửi và thách thức Đ ra cầu Điện Biên gặp T A. Sau khi nghe điện thoại Lương Minh Đ đã gọi điện cho V Văn Đ, Lê Văn D, Phạm Thế L và Nguyễn Văn T13 đi ra cầu Điện Biên để gặp nhóm T A, sau khi nghe điện thoại D cầm theo một con dao ra cầu Điện Biên, V Văn Đ đi xe máy một mình ra đứng ở cầu Điện Biên. L đi xe máy đến nhà Đ, được Đ đưa cho L và H10 mỗi người một thanh kiếm sau đó bảo cả hai đi ra cầu Điện Biên chờ. Đ cầm theo một thanh đao bảo Trần Tất A chở Đ đi ra cầu Điện Biên. Khi nhóm của T A đi 03 xe ô tô đến, T A cầm một con dao lê, P cầm một con dao dài khoảng 45cm, Toại A2 cầm một thanh kiếm dài 60cm, xuống xe đến tấn công Đ, A, H10. Đ lấy 01 thanh đao, A lấy 01 thanh kiếm để ở gốc cây trước cửa H11 ng tạp hóa, H10 lấy 01 thanh kiếm đang dựng ở xe máy của H10, Đ cầm con dao của D để tấn công H11 nh cầu Điện Biên. Cả hai nhóm dùng dao kiếm lao vào xô xát đánh nhau. Lúc này Đ cầm đao, Đ cầm dao, A cầm kiếm, D cầm chổi, H10 cầm kiếm đuổi theo nhóm của T A, T A quay lại dùng dao đâm về phía Đ không trúng thì bị Đ, Đ, A cầm đao, dao, kiếm chém nhiều nhất vào vùng đầu, cổ, D cầm chổi đập vào người T A, H10 cầm kiếm định chém T A thấy P lao vào, H10 quay ra tấn công đánh P. Hậu quả Lê T A1 bị chém nhiều nhất vào vùng đầu, cổ dẫn đến tử vong. H11 nh vi của H10 là giúp sức về mặt tinh thần cho Lương Minh Đ nên đồng phạm với Đ, Đ, A, D về tội “Giết người”. Các bị cáo Đ, Đ, A, D và H10 đều không có mâu thuẫn gì với T A nhưng cố ý thực hiện H11 nh vi xâm phạm tính mạng của T A thể hiện H11 nh vi côn đồ của các bị cáo. Hội đồng xét xử cấp P thẩm xác định H11 nh vi của bị cáo Lương Minh Đ và các đồng phạm của Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm n, p khoản 1 Điều 123 BLHS. H11 nh vi phạm tội của bị cáo Đ và các đồng phạm V Văn Đ, Trần Tất A, Lê Văn D, V Minh H1 về tội “Giết người” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HSST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân D tỉnh NA Định đã xét xử

các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật như chính lời khai nhận tội của các bị cáo tại P toà P thẩm.

Xét H11 nh vi phạm tội của các bị cáo Lương Minh Đ , V Văn Đ, Trần Tất A, Lê Văn D, V Minh H1 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, vì đã gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng làm anh Lê T A1 chết, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân D , gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. H11 nh vi phạm tội của các bị cáo Đoàn Văn P, Nguyễn Văn V đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội. H11 nh vi của các bị cáo Trần Văn T10, Nguyễn Thanh C đã xâm phạm đến hoạt Đng đúng đắn của cơ quan tiến H11 nh tố tụng tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn D, Đoàn Văn P đều có tiền án chưa được xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại P tòa sơ thẩm và P thẩm các bị cáo đều tH11 nh khẩn khai nhận H11 nh vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tH11 nh khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Thanh C “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo V Văn Đ, V Minh H1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử cấp P thẩm, thấy: Trong vụ án này, Lương Minh Đ là người có vai trò chính trong vụ án, sau khi nghe Lê T A1 hẹn gặp, Đ đã chủ Đng điện thoại cho các đồng phạm khác, đồng thời chuẩn bị hung khí dao, kiếm để đánh nhau, Đ trực tiếp sử dụng dao cùng với các bị cáo khác chém dẫn đến cái chết cho Lê T A1. H11 nh vi phạm tội của bị cáo Đ là đặc biệt nghiêm trọng và bị cáo lại có nhân thân quá xấu, chính vì vậy tại P toà P thẩm Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại H11 Nội đã rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân D tỉnh NA Định là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cấp P thẩm chấp nhận, để giữ nguyên phần quyết định hình phạt Tử hình đối với bị cáo Lương Minh Đ như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về H11 nh vi của các bị cáo V Văn Đ, Trần Tất A, Lê Văn D và V Minh H1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm phân tích, đánh giá một cách khách quan toàn diện, cụ thể là: các bị cáo đều không có mâu thuẫn gì với T A (người bị hại) nhưng do nể tình cảm quen biết với Lương Minh Đ nên đã thực hiện H11 nh vi phạm tội. Tòa án cấp P thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, vị trí cụ thể của từng bị cáo trong vụ án, từ đó đã áp dụng pháp luật đối với từng bị cáo là phù hợp với H11 nh vi phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên, tại P toà P thẩm, thì các bị cáo

Trần Tất A, V Văn Đ và V Văn H10 đã tiếp tục tH11 nh khẩn khai báo và tỏ ra rất ăn năn hối hận về H11 nh vi phạm tội của các bị cáo và các bị cáo cũng đã nộp được một khoản tiền để khắc phục hậu quả, trong đó bị cáo H10 đã nộp được 48.000.000 đồng, bị cáo A nộp được 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả vụ án. Nên được Toà án cấp P thẩm coi đây là những tình tiết mới để khoan hồng giảm nhẹ cho các bị cáo, nhằm khuyến khích các bị cáo khác sớm khắc phục hậu quả của vụ án này; Các bị cáo Trần Văn T10, Nguyễn Thanh C cũng rất hối hận về H11 nh vi phạm tội của mình, bị cáo T đã ủng hộ được một khoản tiền và quỹ phòng điều trị Covid và xét thấy H11 nh vi của các bị cáo này là không đáng kể và bị cáo T đã tha gia đưa người bị hại vào bệnh viện cấp cứu; Do đó, tại P toà P thẩm, đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị xin Hội đồng xét xử cấp P thẩm khoan hồng giảm nhẹ cho các bị cáo H10, A, T, và C vì các bị cáo và gia đình các bị cáo đã xin lỗi gia đình bị hại và đã khắc phục cho gia đình bị hại. Nên cũng cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt tù. Đối với các bị cáo còn lại thì cần giữ nguyên về phần hình phạt như Quyết định của Toà án cấp sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại: Hội đồng xét xử cấp P thẩm thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết khách quan, toàn diện và đã ấn định mức bồi thường cho người bị hại là thoả đáng, vì đã phù hợp với tính chất – mức Đ lỗi giữa bị cáo với người bị hại, cũng như phù hợp với điều kiện, mức sống, và thu nhập của các bị cáo tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại, nên cần phải giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo kháng cáo không được Toà án cấp P thẩm chấp nhận thì phải chịu án phí hình sự P thẩm.

Vì các lẽ trên, và căn cứ vào các Điều 355, 356 và 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử P thẩm đối với Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân D tỉnh NA Đình về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lương Minh Đ .

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Lương Minh Đ , Lê Văn D, Đoàn Văn P, Nguyễn Văn V để giữ nguyên quyết định của các bị cáo như bản án sơ thẩm; Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp

của người bị hại để giữ nguyên về phần trách nhiệm D sự như quyết định của Toà án cấp sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: V Văn Đ, Trần Tất A, V Minh H1, Trần Văn T10 và Nguyễn Thanh C để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo: Lương Minh Đ, V Văn Đ, Trần Tất A, Lê Văn D, V Minh H1 đều phạm tội “Giết người”; Các bị cáo Đoàn Văn P, Nguyễn Văn V đều phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; Các bị cáo Trần Văn T10, Nguyễn Thanh C đều phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Áp dụng các điểm n, p khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lương Minh Đ: hình phạt Tử hình về tội “Giết người”, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo V Văn Đ 17 (mười bảy) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 17-3-2021.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BHLS. Xử phạt bị cáo Trần Tất A 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 19-3-2021.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Lê Văn D 15 (mười năm) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 19-3-2021.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo V Minh H1 10 (mười năm) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 17-3-2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Đoàn Văn P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 08-6-2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BHLS; Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn V 04 (bốn) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 19-3-2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390, điểm s khoản 1 Điều 51 BHLS; Xử phạt: bị cáo Trần Văn T10 09 (chín) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, thời hạn tù tính từ ngày 21-7-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C 12 (mười hai) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, thời hạn tù tính từ ngày 02-6-2021.

Giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự như Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Các bị cáo: Đ, D , P, V phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự P thẩm. Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo thì không phải chịu án phí P thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (23/3/2022). Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án P thẩm bị cáo Lương Minh Đ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa V NA để xin ân giảm án tử hình.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại H11 Nội;
- VKSND tỉnh NA Định;
- TAND tỉnh NA Định;
- Cục THADS tỉnh NA Định;
- Các bị cáo (qua trại);
- Người đại diện hợp pháp của bị hại (theo đ/c);
- Lưu HCTP, HS:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng